

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 28/2025/DS-ST

Ngày 24-7-2025

Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thành.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Len

2. Ông Bùi Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 25/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huy Q, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn TS, xã TT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn TS, xã HT, tỉnh Bắc Ninh).

- Bị đơn: Chị Phí Thị H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn AT, xã LL, huyện KX, tỉnh Thái Bình (nay là thôn AT, xã LL, tỉnh Hưng Yên).

Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc.

(Có mặt: Anh Q; vắng mặt: chị H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - anh Nguyễn Huy Q trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng nên ngày 30/7/2022, anh đã lập hợp đồng vay tiền cho chị Phí Thị H vay số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), có lập hợp đồng vay thỏa thuận lãi xuất thỏa thuận là 1,5%/1 tháng, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày 30/7/2022 đến ngày 30/01/2023. Chị H đã ký và điền chỉ vào hợp đồng vay tiền. Anh giao tiền mặt trực tiếp cho chị H tại quán cà phê ở thị trấn Thắng, huyện HH, tỉnh Bắc Giang (nay là xã HH, tỉnh Bắc Ninh), không có người làm chứng. Số tiền anh cho chị H vay là tiền riêng của anh không liên quan đến vợ anh là chị Hoàng Thị Vân. Đến nay, chị H chưa trả anh bất cứ số tiền gốc và lãi nào, anh nhiều lần liên lạc với chị H nhưng không được. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Phí Thị H phải trả cho anh số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 30/7/2022 đến ngày 24/7/2025 là 37.590.000 đồng, tổng là 107.590.000 đồng.

** Do chị Phí Thị H đã đi khỏi nơi cư trú nên hiện tại nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của chị Phí Thị H.* Tại Công văn số 228/PA08 ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh xác định: “Từ năm 2023 đến nay, đương sự đã thực hiện xuất cảnh, nhập cảnh 26 lượt. Xuất cảnh gần nhất ngày 24/3/2025 bằng hộ chiếu số P00649549 qua Cửa khẩu Mộc Bài. Sau đó không có thông tin nhập cảnh”.

** Biên bản xác minh tại Trụ sở Công an xã LL, huyện KX, tỉnh Thái Bình (nay là xã LL, tỉnh Hưng Yên) thể hiện:* Chị Phí Thị H ở chung nhà ông Phí Ngọc D và bà Phạm Thị H tại thôn AT, xã LL, huyện KX, tỉnh Thái Bình (nay là thôn AT, xã LL, tỉnh Hưng Yên). Chị H đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc.

** Biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị H (mẹ đẻ của chị Phí Thị H) thể hiện:* Gia đình bà đã nhận được thông báo về việc anh Nguyễn Huy Q khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Phí Thị H và giấy triệu tập của Tòa án. Gia đình bà đã thông báo cho chị H biết tuy nhiên hiện nay chị H đang đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc không thể về để trình bày với tòa án được. Chị H có nói với bà là chị H có vay tiền của anh Q số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) nhưng hiện nay chị H chưa có điều kiện để trả. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi qua đường bưu điện, gia đình bà nhận và cam kết sẽ thông báo lại cho chị H được biết vì chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bà. Chị H đi xuất khẩu lao động đến nay đã được khoảng 2 năm (từ năm 2023 đến nay). Bà chỉ biết chị H đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc còn địa chỉ cụ thể của chị H tại Trung Quốc bà không rõ. Từ ngày đi xuất khẩu lao động chị H chưa về gia đình bà lần nào.

** Bản cam đoan của chị Hoàng Thị V, sinh năm 1990, địa chỉ tại thôn TS, xã*

TT, huyện HH, tỉnh Bắc Giang (nay là xã HT, tỉnh Bắc Ninh) thể hiện: Chị là vợ của anh Q. Anh Q có cho chị H vay số tiền 70.000.000 đồng, đây là tiền riêng của anh Q, chị không có đóng góp gì vào số tài sản trên.

* Tòa án tiến hành gửi các văn bản tố tụng cho chị H thông qua người thân là bà Phạm Thị Hạnh và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H nhưng chị H không có quan điểm trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của anh Q và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải cũng như phiên tòa sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huy Q, buộc chị Phí Thị H phải trả cho anh Nguyễn Huy Q số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 107.590.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 70.000.000 đồng; Nợ lãi 37.590.000 đồng. Chị Phí Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phí Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã LL, huyện KX (nay là xã LL, tỉnh Hưng Yên); hiện nay chị H đang đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc, căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, Nguyên đơn - anh Nguyễn Huy Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Bị đơn - chị Phí Thị H đã vi phạm các điều khoản được quy định trong các Hợp đồng tín dụng khi đi khởi địa chỉ được ghi trong Hợp đồng mà không thông báo cho anh Nguyễn Huy Q địa chỉ thay đổi. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị H tại địa chỉ: Thôn AT, xã LL, huyện KX, tỉnh Thái Bình (nay là thôn AT, xã LL, tỉnh Hưng Yên) gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà; Giấy triệu tập của Tòa án nhưng chị H không có mặt

theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp bản tự khai và địa chỉ hiện nay của chị H cho Tòa án. Như vậy, xác định chị H đã trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng kể trên tại chính quyền địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị H để đảm bảo quyền tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho chị H. Tuy nhiên, chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn - chị H.

II. Về nội dung vụ án:

[1] Về yêu cầu chị H phải trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng vay tiền ngày 30/7/2022. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Giữa anh Nguyễn Huy Q và chị Phí Thị H có xác lập Hợp đồng vay tiền ngày 30/7/2022. Hợp đồng do các bên xác lập với số tiền vay là 70.000.000 đồng; thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Hai bên đã giao đủ tiền và cam kết thực hiện đúng nội dung trong thỏa thuận. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có tính lãi, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hợp đồng ký kết giữa các bên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự. Anh Q trình bày đã giao đủ tiền cho chị H nhưng chị H đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn và chặn mọi liên lạc với anh. Chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có lời trình bày. Tuy nhiên, mẹ đẻ của chị H là bà Phạm Thị Hạnh, sinh năm 1965, địa chỉ tại thôn AT, xã LL, huyện KX, tỉnh Thái Bình (nay là xã LL, tỉnh Hưng Yên) trình bày chị H có nói với bà là có nợ anh Q số tiền 70.000.000 đồng nhưng hiện nay chị chưa có điều kiện để trả. Với những tài liệu chứng cứ nêu trên đủ căn cứ xác định chị H đã vay của anh Q số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 1,5% nhưng đến nay chưa trả nợ gốc và lãi. Vợ chồng anh Q và chị Vân đều thống nhất đây là khoản tiền cho vay riêng của anh Q, không phải là tài sản chung vợ chồng. Do đó, căn theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Q về việc buộc chị H trả tiền nợ gốc, tiền lãi theo thỏa thuận, anh Q chỉ yêu cầu tính mức lãi suất trong hạn, không yêu cầu tính lãi quá hạn nên không đặt ra giải quyết. Như vậy, số tiền chị H phải trả cho anh Q gồm: 70.000.000 đồng tiền gốc; tiền lãi chưa trả tính từ ngày 30/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2025 (35 tháng 24 ngày) là 70.000.000 đồng x 1,5% x 35 tháng 24 ngày = 37.590.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 107.590.000 đồng.

III. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, buộc chị H phải trả cho anh Q số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 107.590.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 70.000.000 đồng; Nợ lãi từ ngày 30/7/2022 đến ngày 24/7/2025 là 37.590.000 đồng.

2.2. Chị Phí Thị H tiếp tục chịu lãi đối với nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực tế chị Phí Thị H trả hết nợ gốc cho anh Nguyễn Huy Q.

3. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Phí Thị H phải chịu 5.379.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Nguyễn Huy Q số tiền 2.537.000 đồng anh Q đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0002353 ngày 27/02/2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện KX (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Thành